

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : FUEIP100

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

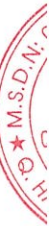
6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : 24/06/2025

7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares*.

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	971,400,000	95.37%
1	ACB	2,100	4.40%
2	BID	100	0.35%
3	BVH	100	0.50%
4	CMG	100	0.35%
5	CTG	400	1.62%
6	DBC	100	0.31%
7	DCM	100	0.36%
8	DGC	100	0.95%
9	DGW	100	0.42%
10	DIG	200	0.34%
11	DPM	100	0.37%
12	DXG	400	0.63%
13	EIB	700	1.57%
14	EVF	300	0.30%
15	FPT	600	6.83%
16	FRT	100	1.69%
17	GAS	100	0.71%
18	GEX	300	1.06%
19	GMD	200	1.09%
20	GVR	100	0.29%
21	HAG	300	0.38%



22	HCM	200	0.50%
23	HDB	1,200	2.59%
24	HDG	100	0.25%
25	HHV	200	0.24%
26	HPG	1,600	4.22%
27	HSG	200	0.32%
28	KBC	200	0.51%
29	KDC	100	0.58%
30	KDH	300	0.87%
31	LPB	1,300	4.03%
32	MBB	1,500	3.81%
33	MSB	1,100	1.30%
34	MSN	400	2.67%
35	MWG	500	3.19%
36	NAB	500	0.80%
37	NKG	200	0.26%
38	NLG	100	0.36%
39	OCB	700	0.82%
40	PAN	100	0.26%
41	PC1	100	0.21%
42	PDR	200	0.35%
43	PLX	100	0.39%
44	PNJ	100	0.79%
45	POW	300	0.38%
46	PVD	100	0.21%
47	PVT	100	0.19%
48	REE	100	0.66%
49	SAB	100	0.48%
50	SBT	200	0.38%
51	SHB	1,600	2.04%
52	SSB	800	1.42%
53	SSI	600	1.40%
54	STB	900	4.10%
55	TCB	2,100	6.97%
56	TCH	200	0.37%
57	TPB	600	0.78%
58	VCB	400	2.22%
59	VCG	200	0.43%
60	VCI	200	0.69%
61	VHM	500	3.63%
62	VIB	1,000	1.77%
63	VIC	500	4.56%
64	VIX	600	0.73%

65	VJC	100	0.86%
66	VND	500	0.80%
67	VNM	400	2.20%
68	VPB	1,800	3.25%
69	VRE	400	0.97%
II.	Tiền/Cash (VND)	47,116,547	4.63%
III.	Tổng/Total	1,018,516,547	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 971,400,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 1,018,516,547

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 47,116,547

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	21,350	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	35,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	115,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	55,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	25,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	65,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	80,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	67,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	33,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	13,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	18,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	16,350	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

This information was disclose on Company/Funds Portal at: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

8. Y
 VI
 Đ
 OÁ
 1.1

Dại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)

